

Số: **3106** /TKV-KH

V/v Công bố thông tin của doanh
nghiệp nhà nước

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2017

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công Thương.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương về công bố thông tin của TKV với các nội dung:

1. Phụ lục IV: kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2017 (*Quyết định của Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư nhóm A, B năm 2016 Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*).

2. Phụ lục V: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất.

Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (báo cáo, e-copy);
- Tổng giám đốc (báo cáo, e-copy);
- PTGD: N.H.Trung (e-copy);
- KSV (e-copy);
- Các Ban: KH, KT, ĐT, TCNS, VP (e-copy);
- Lưu VT, KH (2).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Trung

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

MST: 5700100256

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2017

Năm báo cáo: 2017

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

1. Thực hiện sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2014-2016, thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) như sau:

1.1. Sản xuất Than

- Tổng sản lượng than thương phẩm sản xuất là 105 601 ngàn tấn;
- Than thương phẩm đã đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu than cho các hộ tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

1.2. Sản xuất sản phẩm khoáng sản:

- Kẽm thời sản xuất 30 600 tấn,
- Đồng tấm sản xuất 33 454 tấn,...

1.3. Sản xuất Điện: Điện thương phẩm 25 927 triệu kwh;

1.4. Sản xuất Vật liệu nổ Công nghiệp: 205 929 tấn thuốc nổ các loại;

1.5. Doanh thu: 316 257 tỷ đồng;

1.6. Lợi nhuận trước thuế: 4 691 tỷ đồng;

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm 2017
1	Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu					
a)	Than sạch sản xuất	Tấn	36,292	35,889	33,420	35,500
b)	Sản phẩm khoáng sản					
	- Kẽm thời	Tấn	9,333	10,540	10,727	10,800
	- Đồng tấm	Tấn	10,507	11,316	11,631	11,500
c)	Sản xuất điện	Tr.kwh	8,445	8,979	8,503	9,350

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm 2017
d)	Sản xuất VLN Công nghiệp	Tấn	69,205	72,424	64,300	60,000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	108,360	106,984	100,913	106,865
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,816.0	839.0	1,036.0	2,000.0
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	12,431.0	13,044.0	14,368.0	12,600.0
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	578,530	321,522	259,188	420,000
6	Sản phẩm dịch vụ công ích					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển (giá trị thực hiện)	Tỷ đồng	20,289.4	18,643.3	15,462	18,066.5
a)	- Nguồn Vốn chủ sở hữu	"	6,576.3	4,177.8	4,305	3,659
b)	- Vốn vay	"	13,292.9	14,389.3	11,004	14,291.7
c)	- Vốn khác	"	420.2	76.2	153	115.8
8	Tổng lao động (lao động có mặt đến cuối kỳ 31/12 hằng năm)	Người	121,991	116,335	110,631	109,800
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	13,523.6	13,244.5	12,955.3	13,050.8

2. Thực hiện KH đầu tư xây dựng các dự án chủ yếu.

2.1. Lĩnh vực công nghiệp than:

- Đã hoàn thành và đưa vào sản xuất các dự án: Dự án nâng công suất lên 600 ngàn tấn/năm khu Tràng Khê II, III - Công ty than Hồng Thái; dự án khai thác phần lò giếng khu Vàng Danh - mỏ than Vàng Danh, công suất 900 ngàn tấn/năm, Dự án Đầu tư khai thác phần dưới -50 - Công ty than Hà Lâm (2,4 triệu T/N), dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mỏ than Nam Mẫu (công suất 2,5 Triệu T/N), dự án khai thác xuống sâu dưới mức -50 mỏ than Ngã Hai Công ty than Quang Hanh - TKV (công suất 1,5 triệu T/N, dự án khai thác xuống sâu dưới mức -75 mỏ Bình Minh (công suất 1 triệu T/N), dự án đầu tư mở rộng nâng công suất khu Tràng Khê, Hồng Thái (mỏ Tràng Bạch) - Công ty Than Uông Bí (công suất 1,2 triệu T/N), dự án khai thác phần lò giếng khu Cánh Gà Vàng Danh (công suất 1,5 triệu T/N)....

- Khởi công và tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm: Dự án đầu tư khai thác hầm lò Mỏ Khe Chàm II-IV, dự án đầu tư khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -150 - Công ty than Mạo Khê (công suất 2 triệu T/N), dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo (công suất 2 triệu T/N), Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -35 khu Lộ Trí - Công ty than Thống Nhất -TKV (công suất 2 triệu T/N), dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mỏ than Khe Tam - Công ty than Dương Huy (công suất 2,5 triệu T/N), Dự án khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Suối Lại - giai đoạn I (công suất 0,7 triệu T/N, dự án đầu tư khai thác hầm lò mỏ Khe Chàm III (công suất 2,5 triệu T/N), dự án cải tạo mở rộng mỏ than Cao Sơn - Công ty CP than Cao Sơn.

2.2. Lĩnh vực khoáng sản:

- Hoàn thành dự án đầu tư khu liên hiệp gang thép Cao Bằng, dự án tổ hợp bauxit-

Nhôm Lâm Đồng, tiếp tục thi công dự án nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ (đã tiến hành chạy thử nhà máy, dự kiến 01/7/2017 đưa vào vận hành thương mại).

- Khởi công, tiếp tục thực hiện các dự án Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai, Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai, dự án đầu tư XDCT khai thác mỏ đồng Tả Phời, dự án đầu tư XDCT nhà máy tuyển đồng Tả Phời, dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê (Chủ đầu tư đã hoàn thành điều chỉnh xong TKKT-TDT theo hướng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đã được Bộ Công thương thẩm định xong. Chủ đầu tư đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép khởi động lại dự án; Dự án sẽ tiếp tục thực hiện sau khi có văn bản chỉ đạo thực hiện của Thủ tướng Chính phủ).

2.3. Các dự án khối công nghiệp điện:

- Thực hiện hoàn thành, đưa vào vận hành các dự án: Dự án NMTĐ Đồng Nai, Dự án NMNĐ Nông Sơn, dự án nhà máy nhiệt điện Mạo Khê.

- Khởi công thực hiện dự án NMNĐ Na Dương II, chuẩn bị dự án NMNĐ Quỳnh Lập 1; tìm kiếm thỏa thuận địa điểm nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả 3;

2.4. Hóa chất vật liệu nổ công nghiệp:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án: Dự án nhà máy sản xuất Amon Nitrat 200.000 tấn/năm và các sản phẩm hóa chất khác, dự án xe sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Tập trung chuẩn bị các dự án: Dự án Đầu tư hệ thống tiếp nhận Amoniac từ cầu cảng hóa chất tới kho chứa Amoniac nhà máy Amon Nitrat Thái Bình, dự án Sản xuất Natri Nitrat, công suất 20.000 tấn/năm và dự án Đầu tư xe sản xuất VLNCN, công suất 18-22 tấn/xe.

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con.

(Như biểu chi tiết kèm theo)

BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ			11.855			10.568			8.914			2.159
1	Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ	62	100%	62	81	100%	81	108	100%	81			
2	Bệnh viện than khoáng sản	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	106	Sự nghiệp	100%	103
3	Tạp chí than khoáng sản Việt Nam	Sự nghiệp	100%	2	Sự nghiệp	100%	2	Sự nghiệp	100%	2	Sự nghiệp	100%	2
4	TCT Khoáng sản TKV - CTCP	1.350	100%	1.350	1.350	100%	1.350						
5	Công ty TNHH MTV than Uông Bí	444	100%	444	798	100%	781						
6	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	802	100%	552	663	100%	663						
7	TCT Công nghiệp Hóa chất mỏ	589	100%	589	1.300	100%	1.290	1.300	100%	1.294	1.300	100%	1.300
8	TCT Đông Bắc	1.213	100%	1.193									
9	Công ty TNHH MTV Môi trường	180	100%	180	376	100%	186	376	100%	277	376	100%	277
10	Công ty TNHH MTV than Hạ Long	232	100%	232									
11	Công ty TNHH MTV than Hòn Gai	262	100%	262									
12	Viện Khoa học công nghệ Mỏ	Sự nghiệp	100%	46	Sự nghiệp	100%	37	Sự nghiệp	100%	37	Sự nghiệp	100%	41
13	Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu	53	100%	53	16	100%	16						
14	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ	Sự nghiệp	100%	13	Sự nghiệp	100%	14	Sự nghiệp	100%	14	Sự nghiệp	100%	14
15	Công ty TNHH MTV Vật tư TKV	91	100%	91	106	100%	106						
16	Trường CĐ nghề mỏ Hữu Nghị	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0						
17	Trường CĐ nghề TKV	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0
18	Trường CĐ nghề mỏ Việt Bắc	Sự nghiệp	100%	0	Sự nghiệp	100%	0						
19	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải	12	100%	12	16	100%	16	18	100%	16	18	100%	16
20	Công ty TNHH MTV Tài chính than khoáng sản	1.000	100%	1.000									
21	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng	1.800	100%	204	1.800	100%	280	1.800	100%	280	1.800	100%	286
22	Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà và Hạ Tầng	300	100%	167	300	100%	167	300	100%	167			
23	Công ty TNHH Vinacomin Lào	ĐTRNN	100%	100	ĐTRNN	100%	119	ĐTRNN	100%	120	335	100%	120
24	TCT Điện lực	5.557	100%	5.261	5.557	100%	5.329	6.800	100%	6.437			

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư
25	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc	52	100%	43	83	100%	82	83	100%	82			
26	Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ				50	100%	50						
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối			2.774			3.071			6.640			14.066
1	TCT Khoáng sản TKV - CTCP							2.000	98%	1.961	2.000	98%	1.961
2	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP							1.050	98%	1.031	1.050	98%	1.031
3	Công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ	17	95%	18	17	95%	18	34	95%	34	33	95%	34
4	Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	400	93%	315	400	94%	380	400	95%	403	400	95%	403
5	Liên doanh Alumin Campuchia - Việt Nam	ĐTRNN	88%	178	ĐTRNN	88%	184	ĐTRNN	88%	187	ĐTRNN	88%	187
6	Công ty CP Đại lý hàng hải	46	86%	39	46	86%	39	46	86%	39	25	86%	21
7	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai	10	84%	8	10	84%	8						
8	Công ty CP Southern Mining Co.LTD	ĐTRNN	77%	28	ĐTRNN	77%	62						
9	Công ty CP than Miền Nam	21	77%	16	21	34%	7	21	34%	7	52	34%	18
10	Công ty CP thiết bị điện	22	77%	17	22	77%	17						
11	Công ty CP Vận tải thủy	100	76%	81	100	76%	81	100	76%	81	100	76%	81
12	Công ty CP than Hà Lâm	232	74%	172	232	74%	172	254	74%	189	254	74%	189
13	Công ty CP Vật tư TKV							150	71%	106	150	51%	77
14	Công ty CP than Miền Trung	27	70%	19	27	27%	7	27	27%	7			
15	Công ty LD Khoáng sản STEUNG TRENG	ĐTRNN	70%	56	ĐTRNN	70%	56	ĐTRNN	70%	56	ĐTRNN	70%	56
16	Công ty CP Du lịch và Thương mại	19	68%	13	25	68%	17						
17	Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc	50	67%	34	50	67%	34	50	67%	34	100	67%	67
18	Công ty CP chế biến kinh doanh than Cẩm Phả	50	65%	33	50	65%	33	50	65%	33	59	65%	39
19	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài	160	65%	105	160	65%	105	160	65%	105	160	65%	105
20	Công ty CP Địa chất và Khoáng sản	30	65%	20	30	65%	20	30	65%	20	30	65%	20
21	Công ty CP than Vàng Danh	250	62%	156	420	67%	281	420	67%	281	450	67%	300
22	Công ty CP Xuất nhập khẩu than	48	55%	27	48	55%	27	110	55%	61	110	55%	61
23	Công ty CP Sắt Thạch Khê	2.400	54%	758	2.400	53%	795	2.400	60%	1.123	2.400	59%	1.123
24	Công ty CP than Mông Dương	151	54%	81	151	54%	81	151	54%	81	214	54%	116
25	Công ty CP than Núi Béo	280	53%	148	280	53%	148	370	53%	196	370	53%	196
26	Công ty CP than Cọc Sáu	130	51%	66	130	51%	66	130	51%	66	325	51%	166

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn của TKV	Tổng vốn đầu tư
27	Công ty CP Giám định	20	51%	10	20	51%	10	20	51%	10	36	51%	18
28	Công ty CP than Cao Sơn	150	51%	77	150	51%	77	150	51%	77	268	51%	137
29	Công ty CP Tin học Công nghệ và Môi trường	9	51%	5	9	51%	5	18	51%	9	18	51%	9
30	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp	16	51%	8	16	51%	8	24	51%	12	24	51%	12
31	Công ty CP than Đèo Nai	160	51%	82	160	51%	82	160	51%	82	294	51%	150
32	Công ty CP than Hà Tu	136	51%	70	136	51%	70	136	51%	70	246	51%	125
33	Công ty CP Đồng Tà Phời	600	51%	31	600	56%	77	600	62%	174	600	62%	175
34	Công ty CP Chế tạo máy	41	41%	17	41	41%	17	47	41%	19	47	41%	19
35	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê	14	36%	5	14	36%	5	14	36%	5	14	36%	5
36	Công ty CP công nghiệp ô tô	27	36%	10	27	36%	10	27	36%	10	27	36%	10
37	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ	126	36%	45	126	36%	45	126	36%	45			
38	Công ty CP Đóng tàu Sông Ninh	57	36%	21	57	36%	21	57	36%	21	57	36%	21
39	Công ty CP Cơ điện Uông Bí	19	35%	7	19	35%	7	19	35%	7	19	35%	7
40	Công ty CP Địa chất Mỏ										108	87%	94
41	Công ty Đầu tư, Phát triển nhà và hạ tầng TKV										180	99%	179
42	Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP										6.800	100%	6.778
43	Công ty CP Địa chất Việt Bắc										86	92%	79
	TỔNG CỘNG			14.629			13.639			15.553			16.225